

Số: 03 /2026/QĐ-CTUBND

Cao Bằng, ngày 07 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Các nội dung khác liên quan đến chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại các cơ quan, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng (*sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị*).

b) Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính, cơ chế quản lý tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Quyết định này không áp dụng đối với cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội) và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

1. Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục tài sản cố định đặc thù tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại Quyết định này và Thông tư số 141/2025/TT-BTC để thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh tài sản chưa có trong danh mục được quy định tại Điều 3 Quyết định này, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo, tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CVTH, Trung tâm TT-HN (đăng tải);
- Lưu: VT, TH (D).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Tuấn Hùng

Phụ lục I
QUY ĐỊNH DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐỂ TÍNH HAO MÒN
VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-CTUBND ngày tháng 10 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN SỬ DỤNG (Năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (%/năm)
I	Sản phẩm phần mềm		
1	Phần mềm hệ thống	5	20
2	Phần mềm ứng dụng	5	20
3	Phần mềm công cụ	5	20
4	Phần mềm tiện ích	5	20
5	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
II	Tài sản cố định vô hình khác (không bao gồm quyền sử dụng đất)	5	20

Phụ lục II
DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-CTUBND ngày tháng 10 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	DANH MỤC
I	Những tài sản không xác định được chi phí hình thành và không đánh giá được giá trị thực nhưng yêu cầu phải quản lý chặt chẽ về hiện vật
1	Cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, khu di tích, khu tưởng niệm
2	Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia đặc biệt
3	Di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng cấp quốc gia
4	Di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng cấp tỉnh
5	Di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng khác
6	Tài sản cổ định đặc thù khác
II	Các quyền thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về sở hữu trí tuệ
1	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả
-	Quyền tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học
-	Quyền tác giả khác
2	Quyền sở hữu công nghiệp
-	Bằng phát minh, sáng chế
-	Bản quyền phần mềm máy tính
-	Giải pháp hữu ích
-	Nhãn hiệu, tên thương mại
-	Quyền sở hữu công nghiệp khác
3	Quyền đối với giống cây trồng
III	Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập